



**VIỆN KIỂM SÁT
NHÂN DÂN TỐI CAO**

**Australian
Aid**



**ASEAN-Australia
Counter Trafficking**

**CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC
ASEAN - Ô-XTƠ-RÂY-LI-A
VỀ PHÒNG CHỐNG MUA BÁN NGƯỜI**

SỔ TAY TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VỤ, VIỆC MUA BÁN NGƯỜI



Chương trình Hợp tác ASEAN- Ô-xtrây-li-a về Phòng, chống mua bán người (viết tắt là Chương trình ASEAN-ACT) được Chính phủ Ô-xtrây-li-a hỗ trợ và do Tập đoàn DT Global thực hiện. Tài liệu này được xuất bản với sự tài trợ của Chính phủ Ô-xtrây-li-a thông qua Bộ Ngoại giao và Thương mại Ô-xtrây-li-a. Quan điểm trong tài liệu này là quan điểm của riêng các tác giả mà không nhất thiết là quan điểm của Chính phủ Ô-xtrây-li-a.

Chủ biên
TS. NGUYỄN QUANG DŨNG
Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Tham gia biên soạn

- ThS. Vũ Thị Hải Yến, Vụ trưởng Vụ 13, VKSND tối cao
- ThS. Ngô Thị Quỳnh Anh, Phó Vụ trưởng Vụ 13, VKSND tối cao
- ThS. Kiều Phương Liên, Trưởng phòng, Vụ 13, VKSND tối cao
- ThS. Nguyễn Khánh Ngân, Phó Trưởng phòng, Vụ 13, VKSND tối cao

Tham gia biên tập

- ThS. Đặng Thị Hạnh, Quản lý Chương trình ASEAN-ACT tại Việt Nam
- ThS. Nguyễn Minh Đức, Tư vấn, Chương trình ASEAN-ACT tại Việt Nam
- ThS. Nguyễn Thị Vân, Cán bộ Chương trình, Chương trình ASEAN-ACT tại Việt Nam
- ThS. Trần Thu Hương, Cán bộ Chương trình, Chương trình ASEAN-ACT tại Việt Nam

LỜI NÓI ĐẦU

Mua bán người là tội phạm vi phạm quyền con người nghiêm trọng nhất và có nguồn thu lợi bất chính cao chỉ sau buôn bán ma túy và buôn bán vũ khí. Mua bán người được Liên hợp quốc xác định là một trong bốn loại tội phạm nguy hiểm nhất, được đưa vào “Chương trình phòng, chống tội phạm toàn cầu”. Trong những năm qua, tội phạm mua bán người tại Việt Nam mặc dù đã được kiểm chế với số liệu các vụ án mua bán người được phát hiện, truy tố, xét xử liên tục giảm, song vẫn còn diễn biến phức tạp, có sự kết chặt chẽ giữa các đối tượng ở trong nước với đối tượng ở nước ngoài. Các đối tượng hình thành các đường dây mua bán người từ Việt Nam sang các quốc gia có chung đường biên giới như Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia, các địa bàn trong khu vực ASEAN và các vùng lãnh thổ khác trên thế giới tại Trung Đông, Châu Âu...

Với vai trò Cơ quan trung ương trong tương trợ tư pháp về hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận thấy ngày càng phát sinh nhiều yêu cầu tương trợ tư pháp liên quan đến tội phạm mua bán người với tính chất ngày càng phức tạp. Để tăng cường hiệu quả của hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự trong các vụ, việc mua bán người, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã tổng hợp các quy định pháp luật, văn bản hướng dẫn và một số lưu ý trong quá trình thực hiện hoạt động này để xây dựng *Sổ tay tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến các vụ, việc mua bán người* cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tham khảo trong giải quyết các vụ, việc liên quan đến tội phạm mua bán người.

Bố cục tài liệu bao gồm:

- **Chương 1:** Tổng quan về tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến các vụ, việc mua bán người
- **Chương 2:** Quy trình, hồ sơ tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến các vụ, việc mua bán người
- **Chương 3:** Một số vấn đề cần lưu ý trong tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến các vụ, việc mua bán người
- **Phụ lục**

Chúng tôi hy vọng rằng đây sẽ là nguồn tài liệu hữu ích cho các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, Cơ quan thi hành án, Cơ quan ngoại giao ở cấp trung ương và địa phương trong việc tra cứu và vận dụng trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài, đặc biệt là các vụ, việc liên quan đến tội phạm mua bán người.

Cuốn sổ tay này được xây dựng và xuất bản với sự trợ giúp kỹ thuật, hỗ trợ kinh phí của Chương trình Hợp tác ASEAN và Ô-xtrây-li-a về Phòng, chống mua bán người (viết tắt là Chương trình ASEAN-ACT).

Trân trọng cảm ơn!

**Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự
Viện kiểm sát nhân dân tối cao**

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	4
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VỤ, VIỆC MUA BÁN NGƯỜI	9
I. Giải thích từ ngữ	9
II. Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về mua bán người	9
1. Pháp luật quốc tế về buôn bán người	9
2. Pháp luật hình sự Việt Nam về mua bán người	10
III. Tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến các vụ, việc mua bán người	13
1. Phạm vi tương trợ	13
2. Cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp về hình sự	13
3. Ngôn ngữ	14
CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH, HỒ SƠ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VỤ, VIỆC MUA BÁN NGƯỜI	16
I. Quy trình yêu cầu nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự	16
1. Lập, gửi yêu cầu	16
2. Phối hợp trao đổi, bổ sung thông tin để nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp cho Việt Nam	17
3. Xử lý kết quả tương trợ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thực hiện cho Việt Nam	17
II. Nội dung hồ sơ tương trợ tư pháp về hình sự	18
III. Mẫu văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự	19
1. Mẫu số 01: Văn bản yêu cầu thực hiện TTTP về hình sự gửi VKSND tối cao	19
2. Mẫu số 02: Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài	21
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VỤ, VIỆC MUA BÁN NGƯỜI	29
I. Thời hạn trong việc lập, giải quyết yêu cầu tương trợ	29
II. Yêu cầu nước ngoài xác minh nhân thân, tiền án, tiền sự	29
III. Yêu cầu nước ngoài lấy lời khai	30
IV. Quy định về nội dung và hình thức yêu cầu của một số quốc gia và vùng lãnh thổ	30
V. Tương trợ tư pháp về hình sự trực tiếp giữa các tỉnh có chung đường biên giới với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	31

VI. Vấn đề hợp pháp hóa lãnh sự	31
VII. Thông báo và tiếp xúc lãnh sự	31
VIII. Giá trị pháp lý của tài liệu thu thập được qua kênh tương trợ tư pháp	32

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ CỦA CÁC QUỐC GIA CÓ CHUNG ĐƯỜNG BIÊN GIỚI VỚI VIỆT NAM VỀ TỘI MUA BÁN NGƯỜI	33
PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG CỦA MỘT SỐ NƯỚC PHÁT SINH NHIỀU YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP HÌNH SỰ VỀ MUA BÁN NGƯỜI VÀ NGÔN NGỮ CẦN DỊCH TRONG HỒ SƠ YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP	38
PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ GIỮA VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI ĐANG CÓ HIỆU LỰC	40
PHỤ LỤC 4: HƯỚNG DẪN LẬP YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ GỬI VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO TRUNG QUỐC	42

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CQTW	Cơ quan trung ương
Luật TTTP	Luật tương trợ tư pháp
TTTP	Tương trợ tư pháp
TTTPHS	Tương trợ tư pháp về hình sự
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
Vụ 13	Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự



CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ
TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ
LIÊN QUAN ĐẾN
CÁC VỤ, VIỆC MUA BÁN NGƯỜI

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VỤ, VIỆC MUA BÁN NGƯỜI

I. Giải thích từ ngữ

- “*Tương trợ tư pháp về hình sự*”: Là việc các quốc gia, thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, dành cho nhau sự hỗ trợ trong việc thực hiện các hoạt động xác minh, điều tra, thu thập chứng cứ hay thực hiện các thủ tục tố tụng nhằm phục vụ giải quyết các vụ, việc hình sự trên cơ sở điều ước quốc tế hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.
- “*Nguyên tắc tội phạm kép*”: Là nguyên tắc mà theo đó hành vi là đối tượng của yêu cầu TTTPHS phải cấu thành tội phạm theo pháp luật hình sự của cả nước yêu cầu và nước được yêu cầu. Nước được yêu cầu có quyền coi nguyên tắc tội phạm kép là lý do để từ chối tương trợ, tuy nhiên việc áp dụng nguyên tắc tội phạm kép trong hoạt động TTTP có thể linh hoạt tùy theo pháp luật của từng quốc gia.
- “*Nguyên tắc có đi có lại*”: Là nguyên tắc được áp dụng trong TTTPHS mà theo đó, một quốc gia sẽ dành cho quốc gia khác sự TTTP tương tự về hình sự như quốc gia đó đã dành cho mình với điều kiện phù hợp với pháp luật của quốc gia mình.

II. Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về mua bán người

1. Pháp luật quốc tế về buôn bán người

Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước UNTOC) được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 15/11/2000. Mục đích của Công ước nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế để ngăn ngừa và chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia một cách hiệu quả hơn. Việt Nam ký Công ước UNTOC ngày 10/12/2000 và chính thức có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 09/6/2012.

Công ước có hai Nghị định thư bổ sung liên quan đến buôn bán người và đưa người di cư trái phép là: (i) Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (gọi tắt là Nghị định thư Palermo); (ii) Nghị định thư về chống đưa người trái phép qua biên giới bằng đường bộ, đường biển và hàng không. Việt Nam gia nhập Công ước TOC và Nghị định thư Palermo ngày 08/6/2012.

Bên cạnh Nghị định thư Palermo, trong khu vực ASEAN còn có Công ước ASEAN về chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (gọi tắt là Công ước ACTIP). Công ước ACTIP được 10 quốc gia thành viên ASEAN ký kết ngày 21/11/2015. ACTIP là điều ước đầu tiên của ASEAN với mục đích: Phòng, chống có hiệu quả nạn buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em; Bảo vệ và hỗ trợ các nạn nhân bị buôn bán với việc

tôn trọng đầy đủ quyền con người của họ; Thúc đẩy hợp tác hiệu quả giữa các quốc gia thành viên để đạt được mục đích này.

Theo nghị định thư Palermo và Công ước ACTIP, “Buôn bán người” được hiểu là: *“Việc tuyển mộ, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp và nhận người nhằm mục đích bóc lột bằng cách đe dọa, sử dụng bạo lực hay các hình thức ép buộc, bắt cóc, lừa gạt, man trá, lạm dụng quyền lực hoặc vị thế dễ bị tổn thương hay bằng việc cho hoặc nhận tiền hay lợi nhuận để đạt được sự đồng ý của một người đang có quyền kiểm soát đối với người khác nhằm mục đích bóc lột”*.

Bên cạnh các điều ước quốc tế về phòng, chống buôn bán người, mỗi quốc gia lại có quy định pháp luật hình sự riêng về tội phạm này. Theo Báo cáo của Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016-2020, trên 90% các vụ án mua bán người tại Việt Nam có nạn nhân bị đưa sang các quốc gia Trung Quốc, Cam-pu-chia, Lào. Do vậy, cuốn Sổ tay này giới thiệu quy định pháp luật hình sự của 03 nước gồm: Trung Quốc, Cam-pu-chia và Lào để nghiên cứu khi lập yêu cầu TTTPHS gửi các quốc gia này (Tham khảo Phụ lục 1).

2. Pháp luật hình sự Việt Nam về mua bán người

2.1. Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Điều 150. Tội mua bán người

Khoản 1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

- a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác;*
- b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;*
- c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.*

Khoản 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;*
- b) Vi động cơ dâm dục;*
- c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;*
- d) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

- d) Đối với từ 02 người đến 05 người;
- e) Phạm tội 02 lần trở lên.

Khoản 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

- a) Có tính chất chuyên nghiệp;
- b) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;
- c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
- d) Làm nạn nhân chết hoặc tạt sạt;
- đ) Đối với 06 người trở lên;
- e) Tái phạm nguy hiểm.

Khoản 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Điều 151. Tội mua bán người dưới 16 tuổi

Khoản 1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

- a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo;
- b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;
- c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.

Khoản 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

- a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- b) Lợi dụng hoạt động cho, nhận con nuôi để phạm tội;
- c) Đối với từ 02 người đến 05 người;
- d) Đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;
- đ) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- e) Phạm tội 02 lần trở lên;

g) Vì động cơ đê hèn;

h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

Khoản 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

d) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;

đ) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát;

e) Đối với 06 người trở lên;

g) Tái phạm nguy hiểm.

Khoản 4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

2.2. Luật phòng, chống mua bán người năm 2011

Luật phòng, chống mua bán người năm 2011 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012. Luật gồm 08 chương, 58 điều quy định việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi mua bán người và các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống mua bán người; tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân; hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người; trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương trong phòng, chống mua bán người.

2.3. Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Nghị quyết này hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của Bộ luật hình sự năm 2015, bao gồm các hướng dẫn về một số tình tiết định tội, một số tình tiết định khung hình phạt, truy cứu trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp cụ thể.

2.4. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Phần thứ tám Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định về hợp tác quốc tế, trong đó Chương XXXV (Điều 491 đến Điều 496) quy định về những vấn đề chung; Chương XXXVI (Điều 497 đến Điều 508) quy định về một số hoạt động hợp tác quốc tế cụ thể.

III. Tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến các vụ, việc mua bán người

1. Phạm vi tương trợ

1.1. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định của Luật tương trợ tư pháp năm 2007

- *Tống đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến TTTPHS (Điều 17, Điều 24).*
- *Triệu tập người làm chứng, người giám định (Điều 8, Điều 17).*
- *Thu thập, cung cấp chứng cứ như lấy lời khai của người bị hại, người làm chứng, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, xác minh lý lịch, thu thập và cung cấp tài liệu... (Điều 17).*
- *Dẫn giải người đang chấp hành hình phạt tù để cung cấp chứng cứ (Điều 25).*
- *Truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 17, Điều 28 và Điều 29).*
- *Trao đổi thông tin (Điều 26).*

1.2. Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự theo quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia

Ngoài các hoạt động theo Luật TTTP năm 2007, phạm vi tương trợ còn được mở rộng thêm một số hoạt động khác tùy theo các quy định của từng điều ước cụ thể, như:

- *Nhận dạng hoặc xác định nơi ở của một người hoặc nơi có đồ vật.*
- *Thực hiện việc khám người hoặc khám xét địa điểm nhằm tìm kiếm và thu giữ giấy tờ, tài liệu, dữ liệu hoặc đồ vật được sử dụng làm chứng cứ.*
- *Truy tìm, kê biên, phong tỏa, thu giữ, tịch thu tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội.*
- *Trả lại tài sản hoặc phân chia tài sản do phạm tội mà có.*
- *Cho phép người có thẩm quyền của nước yêu cầu có mặt khi thực hiện yêu cầu.*
- *Lấy lời khai qua cầu truyền hình.*

2. Cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp về hình sự

CQTW tiếp nhận các yêu cầu TTTPHS là VKSND tối cao.

Tại VKSND tối cao, đơn vị được giao tiếp nhận, giải quyết yêu cầu TTTPHS là Vụ 13.

Địa chỉ:

Vụ 13 – VKSND tối cao

Số 9 phố Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 38 255 058, máy lẻ 810021 hoặc 810050.

Fax: 024 39 361 531.

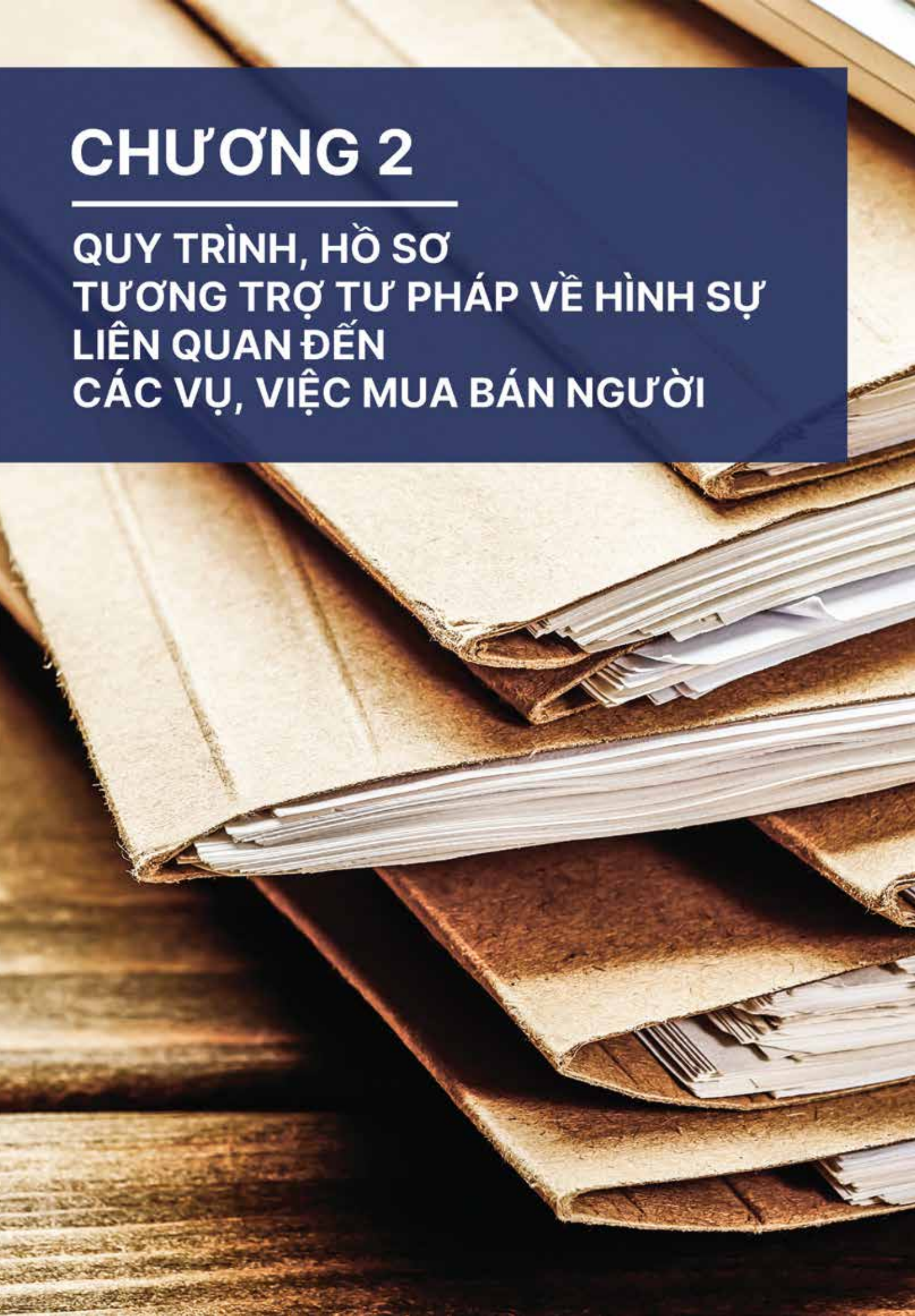
Thư điện tử: tttp_mla@vks.gov.vn

3. Ngôn ngữ

Cơ quan lập hồ sơ yêu cầu TTTPHS phải dịch hồ sơ ra ngôn ngữ được quy định trong điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài đã ký kết. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế thì hồ sơ phải kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc dịch ra ngôn ngữ khác mà nước được yêu cầu chấp nhận (Tham khảo Phụ lục 2).

CHƯƠNG 2

QUY TRÌNH, HỒ SƠ
TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ
LIÊN QUAN ĐẾN
CÁC VỤ, VIỆC MUA BÁN NGƯỜI



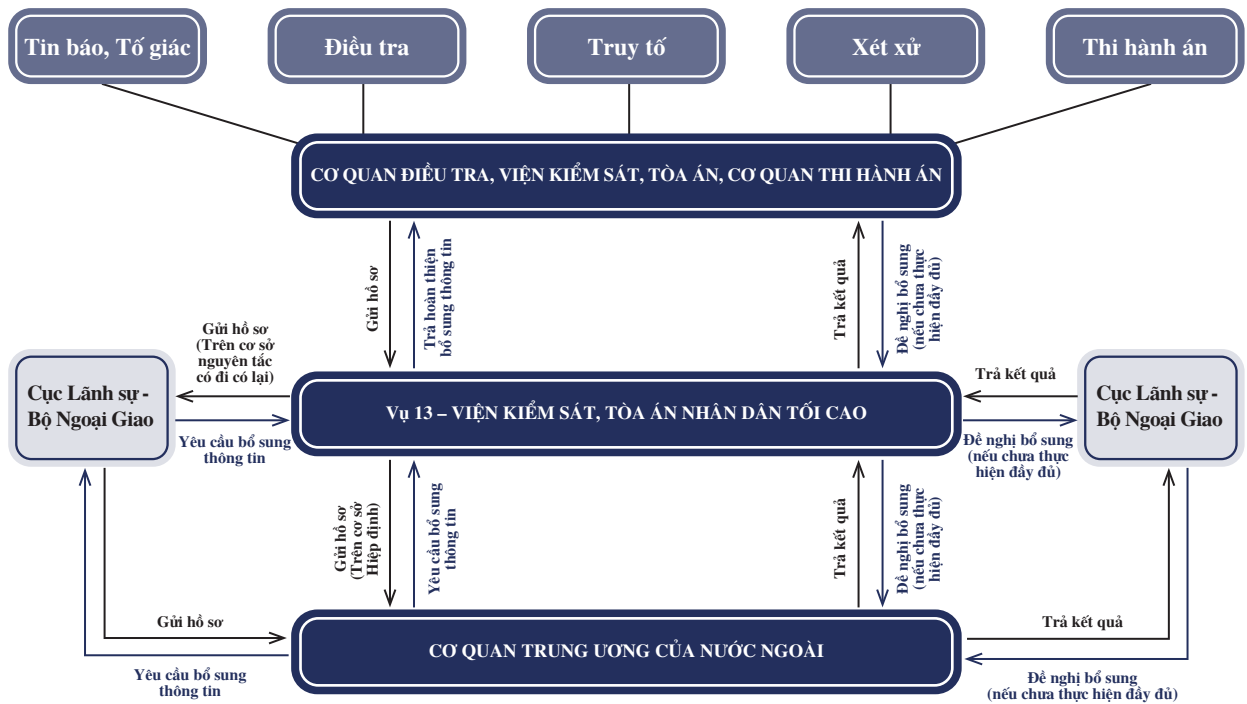
CHƯƠNG 2

QUY TRÌNH, HỒ SƠ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VỤ, VIỆC MUA BÁN NGƯỜI

I. Quy trình yêu cầu nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự

Yêu cầu TTTPHS của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng Việt Nam gửi đến các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài được thực hiện theo quy định của Luật TTTP năm 2007 và quy trình sau:

TÓM TẮT QUY TRÌNH



1. Lập, gửi yêu cầu

- Quá trình giải quyết vụ, việc hình sự từ giai đoạn giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố, nếu thấy cần thiết phải thu thập chứng cứ, tài liệu từ nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lập hồ sơ yêu cầu TTTPHS theo quy định tại Luật TTTP năm 2007. Kiểm sát viên được phân công kiểm sát điều tra vụ án hình sự cần phối hợp với Cơ quan điều tra để lập hồ sơ yêu cầu TTTPHS.

- Trước khi lập yêu cầu, nếu thấy cần thiết thì cơ quan lập yêu cầu liên hệ với Vụ 13 – VKSND tối cao để được hướng dẫn về cách thức lập yêu cầu.
- Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Vụ 13 – VKSND tối cao vào sổ thụ lý, kiểm tra tính hợp lệ theo quy định của Luật TTTP năm 2007 hoặc theo điều ước quốc tế về TTTPHS mà Việt Nam là thành viên. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Vụ 13 – VKSND tối cao chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đề nghị hỗ trợ thực hiện. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Vụ 13 – VKSND tối cao trả lại cho cơ quan lập yêu cầu, nêu rõ lý do, đề nghị bổ sung thông tin hoặc hướng dẫn lập lại yêu cầu.
- Trường hợp theo quy định của pháp luật nước được yêu cầu, Vụ 13 – VKSND tối cao phải trực tiếp lập yêu cầu TTTPHS. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng liên quan phải gửi văn bản yêu cầu và cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho Vụ 13 – VKSND tối cao để thực hiện việc lập yêu cầu.
- Trường hợp sau khi đã gửi yêu cầu mà nhận thấy việc đề nghị nước ngoài thực hiện tương trợ không còn cần thiết, cơ quan lập yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho Vụ 13 – VKSND tối cao để thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nước được yêu cầu về việc dừng thực hiện tương trợ.

2. Phối hợp trao đổi, bổ sung thông tin để nước ngoài thực hiện tương trợ tư pháp cho Việt Nam

- Trường hợp nước ngoài đề nghị bổ sung, làm rõ thông tin liên quan đến yêu cầu, khi gửi văn bản bổ sung thông tin cho Vụ 13 – VKSND tối cao, cơ quan lập yêu cầu phải gửi kèm theo bản dịch sang tiếng của nước được yêu cầu chấp nhận.
- Trong trường hợp cần thiết, Vụ 13 – VKSND tối cao chủ trì, phối hợp với cơ quan lập yêu cầu và cơ quan có thẩm quyền liên quan thống nhất nội dung thông tin cần bổ sung, làm rõ.

3. Xử lý kết quả tương trợ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thực hiện cho Việt Nam

Khi nhận được kết quả tương trợ của nước ngoài, Vụ 13 – VKSND tối cao kiểm tra, rà soát nội dung trả lời của phía nước ngoài, yêu cầu nước ngoài tiếp tục bổ sung trong trường hợp kết quả tương trợ chưa đầy đủ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Vụ 13 – VKSND tối cao chuyển trả kết quả cho cơ quan đã lập hồ sơ yêu cầu.

Trường hợp kết quả tương trợ chưa được dịch ra tiếng Việt, Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã lập hồ sơ yêu cầu TTTP gửi ra nước ngoài chịu trách nhiệm dịch kết quả thực hiện tương trợ ra tiếng Việt, kiểm tra nội dung trả lời của phía nước ngoài đã đầy đủ và chính xác so với các nội dung đề nghị thực hiện tương trợ hay chưa. Trường hợp chưa đầy đủ và nếu thấy cần thiết yêu cầu nước ngoài thực hiện tương trợ

thì có văn bản thông báo để Vụ 13 – VKSND tối cao tiếp tục đề nghị nước ngoài thực hiện các nội dung tương trợ còn lại hoặc đề nghị nước ngoài thông báo lý do không thực hiện được.

Lưu ý: Cơ quan lập yêu cầu tương trợ gửi cho Vụ 13 – VKSND tối cao 01 bản dịch kết quả tương trợ để quản lý theo quy định.

II. Nội dung hồ sơ tương trợ tư pháp về hình sự

Hồ sơ TTTPHS được lập thành 03 bộ, kèm theo bản dịch đảm bảo chất lượng theo quy định tại Điều 5 Luật TTTP năm 2007, gửi Vụ 13 – VKSND tối cao để kiểm tra tính hợp lệ và làm thủ tục chuyển cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thực hiện.

Hồ sơ TTTPHS bao gồm:

- (1) Văn bản yêu cầu thực hiện TTTPHS gửi VKSND tối cao;
- (2) Văn bản yêu cầu TTTPHS gửi cho CQTW nước nhận yêu cầu tương trợ;
- (3) Các tài liệu gửi kèm theo hồ sơ (nếu có).

III. Mẫu văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

1. Mẫu số 01 (Mẫu số 168/HS ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-VKSTC ngày 09/01/2018 của Viện trưởng VKSND tối cao):

Văn bản yêu cầu thực hiện TTTP về hình sự gửi VKSND tối cao

.....⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TTTPHS -.....⁽²⁾

V/v tương trợ tư pháp (lần.....)⁽³⁾, ngày...tháng...năm.....⁽⁴⁾

Kính gửi: Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Tên cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp: ⁽⁵⁾.....

Địa chỉ: ⁽⁶⁾.....

Đang giải quyết vụ án về: ⁽⁷⁾.....

Xét thấy việc yêu cầu tương trợ tư pháp là cần thiết cho việc giải quyết vụ án,
⁽⁸⁾.....;

Căn cứ vào Điều 18 và Điều 22 của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007,

Quyết định yêu cầu: ⁽⁹⁾.....

Để tiến hành việc: ⁽¹⁰⁾.....

Đối với: ⁽¹¹⁾.....

⁽¹²⁾..... đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp này tới cơ quan có thẩm quyền của nước..... và gửi kết quả về ⁽¹³⁾..... trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Mọi chi tiết xin liên hệ với đồng chí ⁽¹⁴⁾.....; điện thoại.....

⁽¹⁵⁾..... xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Viện.

Nơi nhận:

Ký tên, đóng dấu

Hướng dẫn sử dụng Mẫu số 01:

(1) (5) (8) (12) (13) (15) Ghi tên Cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp (ví dụ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội hoặc Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Viết tắt Cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp (ví dụ: PC01).

(3) Ghi rõ số lần yêu cầu tương trợ tư pháp (ví dụ: V/v yêu cầu tương trợ tư pháp (lần 1)).

(4) Ghi địa điểm và thời gian lập văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp.

(6) Ghi đầy đủ địa chỉ của cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp.

(7) Ghi tóm tắt nội dung vụ án đang được giải quyết.

(9) Ghi đầy đủ tên của cơ quan được yêu cầu tương trợ tư pháp (ví dụ: Viện kiểm sát nhân dân tối cao...).

Chú ý: Tên của các cơ quan nước ngoài cần được kiểm tra trước khi gửi yêu cầu tương trợ để đảm bảo chính xác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc gửi và thực hiện các yêu cầu tương trợ.

(10) Tùy thuộc vào nội dung tương trợ tư pháp mà cơ quan đề nghị tương trợ ghi một hoặc nhiều nội dung tương trợ tư pháp theo quy định tại Điều 20 của Luật TTTP năm 2007.

(11) Ghi đầy đủ thông tin về người liên quan trực tiếp đến yêu cầu tương trợ tư pháp.

Nếu người liên quan trực tiếp đến yêu cầu tương trợ tư pháp là cá nhân thì ghi đầy tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ liên lạc.

Nếu liên quan trực tiếp đến yêu cầu tương trợ tư pháp là cơ quan, tổ chức thì ghi tên đầy đủ, địa chỉ liên lạc hoặc văn phòng trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó (nếu có tên bằng tiếng nước ngoài thì ghi cả tên bằng tiếng nước ngoài).

(14) Ghi tên cán bộ thụ lý giải quyết vụ án.

2. Mẫu số 02 (Mẫu số 169/HS ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-VKSTC ngày 09/01/2018 của Viện trưởng VKSND tối cao):

Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài

.....⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:... /TTTPHS-⁽²⁾

V/v yêu cầu tương trợ tư pháp (lần ...)⁽³⁾

....., ngày...tháng...năm.....⁽⁴⁾

Số tham chiếu:...⁽⁵⁾

**YÊU CẦU
TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ**

.....⁽⁶⁾.....+ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam xin gửi lời chào trân trọng đến⁽⁷⁾..... + tên của nước được yêu cầu.....

Căn cứ pháp lý:.....⁽⁸⁾.....

Tên cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp:.....⁽⁹⁾.....

Là cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự theo pháp luật Việt Nam, thông qua Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Cơ quan Trung ương về tương trợ tư pháp hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trân trọng ủy thác cho: Tên cơ quan được yêu cầu tương trợ tư pháp:
.....⁽¹⁰⁾.....

Họ và tên người có liên quan trực tiếp đến yêu cầu tương trợ tư pháp: ...
.....⁽¹¹⁾.....

Giới tính:⁽¹²⁾.....

Quốc tịch:⁽¹³⁾.....

Địa chỉ:⁽¹⁴⁾.....

Nội dung công việc tương trợ tư pháp:

a) Mục đích tương trợ tư pháp:⁽¹⁵⁾

b) Nội dung vụ án và các tình tiết liên quan:⁽¹⁶⁾

c) Trích dẫn điều luật có thể áp dụng:⁽¹⁷⁾

d) Nội dung yêu cầu tương trợ:⁽¹⁸⁾

đ) Về các biện pháp có thể thực hiện tương trợ tư pháp: (19)

e) Chứng nhận chứng thực: (20)

g) Bảo đảm và cam kết: (21)

h) Về thời hạn thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp: (22)

(Cơ quan yêu cầu) khẳng định rằng yêu cầu này là cần thiết cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án đã nêu trên.

Nhân dịp này⁽²³⁾..... nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam một lần nữa xin gửi tới⁽²⁴⁾..... + tên của nước được yêu cầu lời chào trân trọng.

(Ký tên, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm: ⁽²⁵⁾

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 02:

(1) (6) (9) (23) Ghi tên Cơ quan yêu cầu TTTP (ví dụ: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội hoặc Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Viết tắt Cơ quan yêu cầu TTTP (ví dụ: PC01).

(3) Ghi rõ số lần yêu cầu TTTP (ví dụ: V/v yêu cầu TTTP (lần 1)).

(4) Ghi địa điểm và thời gian lập văn bản yêu cầu TTTP.

(5) Ghi mã số hồ sơ yêu cầu TTTP lần 1 (ví dụ: Số tham chiếu: 01/TTPHS-PC02).

(7) (10) (24) Ghi đầy đủ tên của cơ quan được yêu cầu TTTP (ví dụ: VKSND tối cao...).

Nếu giữa Việt Nam và nước ngoài có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực hình sự thì cơ quan được yêu cầu TTTP là cơ quan có thẩm quyền theo quy định của điều ước quốc tế đó. Nếu Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế về TTPHS thì cơ quan được yêu cầu TTTP là cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

(8) Ghi rõ văn bản pháp lý mà dựa vào đó hai nước thực hiện TTTP cho nhau (ví dụ: Hiệp định TTTP...) hoặc căn cứ nguyên tắc có đi có lại (trong trường hợp Việt Nam và nước được yêu cầu chưa ký Hiệp định TTPHS); Luật TTTP 2007 của Việt Nam (tham khảo Phụ lục 3).

Đề nghị liên hệ Vụ 13 – VKSND tối cao để cập nhật những văn bản mới có hiệu lực.

(11) Ghi đầy đủ thông tin về người liên quan trực tiếp đến yêu cầu TTTP.

- Nếu người liên quan trực tiếp đến yêu cầu TTTP là cá nhân thì ghi đầy đủ tên, ngày tháng năm sinh, lưu ý: kèm theo giấy tờ tùy thân (nếu có). Trường hợp không thu được giấy tờ tùy thân thì phải nêu rõ trong yêu cầu (ví dụ: ngoài các thông tin đã nêu trong yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền Việt Nam không thu thập được thông tin, tài liệu nào khác). Nêu rõ vai trò tham gia của người đó trong vụ án hình sự (ví dụ: người làm chứng, người bị hại...)
- Nếu liên quan trực tiếp đến yêu cầu TTTP là cơ quan, tổ chức thì ghi tên đầy đủ hoặc văn phòng trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó (nếu có tên bằng tiếng nước ngoài thì ghi cả tên bằng tiếng nước ngoài).

(12) (13) (14) Trước khi tiến hành lập hồ sơ yêu cầu TTTP, cơ quan yêu cầu TTTP phải thu thập, xác minh các thông tin như giới tính, quốc tịch, địa chỉ nơi cư trú hoặc nơi làm việc của người liên quan trực tiếp đến việc tương trợ. Bổ sung những tài liệu về nhân thân, ví dụ: ảnh, vân tay... (nếu có).

(15) Mục đích của yêu cầu TTTP là nhằm phục vụ cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự nêu tại hồ sơ yêu cầu này tại Việt Nam.

(16) Ghi tóm tắt nội dung vụ án, mô tả hành vi phạm tội, đặc biệt là các tình tiết hay thông tin về nội dung vụ án liên quan đến các vấn đề cần hỗ trợ thực hiện trong yêu cầu tương trợ.

Nêu các thủ tục tố tụng đã áp dụng đối với vụ án, tiến độ xác minh, điều tra, truy tố, xét xử.

(17) Trích dẫn điều luật quy định tội danh và hình phạt trong Bộ luật hình sự Việt Nam để tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thực hiện tương trợ cho Việt Nam trong trường hợp có sự khác nhau về tội danh trong pháp luật giữa nước Việt Nam và các nước. Cơ quan có thẩm quyền nước ngoài sẽ dựa trên hành vi cụ thể được mô tả trong yêu cầu để cân nhắc nghiên cứu áp dụng nguyên tắc tội phạm kép.

- Trường hợp mới xác định được tội danh thì trích dẫn toàn bộ nội dung điều luật đó.
- Trường hợp đã xác định được tội danh và điều khoản áp dụng thì chỉ cần trích dẫn nội dung khoản 1 và nội dung điều khoản mô tả cấu thành tội đó và hình phạt áp dụng.

(18) Nêu những công việc cụ thể mà nước được yêu cầu phải thực hiện ví dụ:

Nội dung đề nghị tương trợ	Những thông tin cần nêu trong yêu cầu
Tổng đạt giấy tờ, tài liệu	Nêu chính xác họ tên, địa chỉ và các thông tin liên quan (nếu có) của người đó.
Triệu tập người làm chứng, người giám định	<p>Nêu họ tên, địa chỉ và các thông tin khác có liên quan (nếu có) của người cần triệu tập.</p> <p>Lý do triệu tập và lý do người đó cần phải tham gia vào quá trình tố tụng.</p> <p>Trích dẫn điều luật về quyền và nghĩa vụ của người làm chứng, người giám định.</p> <p>Mô tả cách thức, trình tự, dự kiến thời gian để người được triệu tập đến Việt Nam và có mặt tại địa điểm do cơ quan lập yêu cầu thu xếp.</p> <p>Nêu khả năng nếu việc triệu tập không thực hiện được thì cần phải làm thủ tục gì (lập biên bản việc từ chối, lấy lời khai...).</p> <p>Cam kết bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, điều kiện ăn ở, đi lại cho người làm chứng, người giám định.</p> <p>Lưu ý: phải gửi yêu cầu tương trợ chậm nhất 90 ngày trước ngày dự định người đó phải có mặt.</p>
Lấy lời khai	<p>Nêu chính xác họ tên, địa chỉ... người đó.</p> <p>Bản danh sách các câu hỏi cụ thể bao gồm (nếu phù hợp): thời gian, thời điểm đi nước ngoài, đi cùng đối tượng nào, bằng hình thức phương tiện nào, mục đích đi là gì, trước khi đi có được ai hứa hẹn hay thỏa thuận gì không? Đi nước ngoài làm những công việc gì? Hiện có giấy tờ tùy thân gì không? (ví dụ: hộ chiếu, giấy thông hành...).</p> <p>Cần lưu ý đề cập tới việc đề nghị áp dụng các biện pháp bảo vệ (nếu cần thiết) trong trường hợp người được lấy lời khai là nạn nhân công dân Việt Nam.</p> <p>Số điện thoại nạn nhân sử dụng để liên lạc về Việt Nam có thể hỗ trợ việc định vị vị trí của nạn nhân.</p> <p>Họ tên, số điện thoại, ngoại hình của người có quan hệ với nạn nhân hiện đang sinh sống tại nước được yêu cầu TTTP.</p>

Nội dung đề nghị tương trợ	Những thông tin cần nêu trong yêu cầu
Thu thập chứng cứ, cung cấp đồ vật, tài liệu	<p>Mô tả cụ thể, chi tiết chứng cứ cần thu thập, đồ vật, tài liệu cần được cung cấp.</p> <p>Chứng cứ, đồ vật, tài liệu đó đóng vai trò như thế nào trong từng giai đoạn mua bán người.</p> <p>Tên, địa chỉ... của cá nhân, tổ chức đang cầm giữ, quản lý chứng cứ, đồ vật, tài liệu đó.</p> <p>Địa điểm/vị trí chứng cứ, đồ vật, tài liệu đó đang tồn tại.</p> <p>Mô tả cách thức thu thập chứng cứ, đồ vật, tài liệu đó và gửi kèm các mẫu tố tụng (nếu cần thiết).</p> <p>Thời gian chứng cứ, đồ vật, tài liệu đó được sử dụng (nếu cần thiết).</p>
Xác minh đối tượng/người có liên quan	<p>Số điện thoại của đối tượng thu thập được từ thiết bị liên lạc của nạn nhân hoặc của đối tượng có liên quan đến vụ việc ở Việt Nam. Nội dung trao đổi giữa các đối tượng trên thiết bị điện tử. Thời gian, địa điểm thực hiện các trao đổi trên thiết bị điện tử giữa đối tượng ở Việt Nam và đối tượng ở nước ngoài.</p> <p>Các thông tin liên quan đến địa chỉ, nơi cư trú của đối tượng thông qua lời khai của nạn nhân hoặc người biết vụ, việc đó.</p> <p>Ngoại hình của đối tượng thông qua miêu tả của nạn nhân, đối tượng khác ở Việt Nam hoặc người biết vụ, việc đó.</p> <p>Các dữ liệu khác có liên quan đến đối tượng (nếu có), như tài khoản ngân hàng, biển số xe, hình ảnh từ camera an ninh...</p>
Chuyển giao quyền truy cứu trách nhiệm hình sự	Chuyển giao toàn bộ hồ sơ vụ án, đồ vật, tài liệu khác có liên quan.
Khám xét người hay địa điểm	Cơ quan lập yêu cầu có thể ban hành Lệnh khám xét và gửi kèm theo hồ sơ tương trợ để đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu thi hành Lệnh khám xét đó hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu ban hành và thi hành Lệnh khám xét

Nội dung đề nghị tương trợ	Những thông tin cần nêu trong yêu cầu
	<p>phù hợp với quy định của pháp luật nước được yêu cầu để thu thập chứng cứ, đồ vật, tài liệu, đồng thời nêu các thông tin như phần mục đích thu thập chứng cứ, cung cấp đồ vật, tài liệu.</p> <p>Hồ sơ yêu cầu tương trợ cần kèm theo các quyết định tố tụng hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng và tài liệu, chứng cứ, thông tin khác cần thiết cho việc khám xét.</p>
Nội dung yêu cầu tương trợ khác (nếu có).	Tùy thuộc vào nội dung yêu cầu để cung cấp các thông tin phù hợp.

Lưu ý:

- *Liên quan đến nội dung yêu cầu, nếu thấy cần thiết, cơ quan lập yêu cầu có thể gửi các tài liệu, đồ vật kèm theo để hỗ trợ cho việc thực hiện yêu cầu.*
- *Nếu kết quả tương trợ cần được thể hiện theo một mẫu văn bản tố tụng theo pháp luật Việt Nam thì cơ quan lập yêu cầu phải gửi kèm theo mẫu đó cùng bản dịch ra ngôn ngữ quy định tại Hiệp định mà các bên là thành viên hoặc ngôn ngữ của nước được yêu cầu hay ngôn ngữ khác được nước yêu cầu chấp nhận.*

(19) Cơ quan yêu cầu TTTP có thể đề nghị cơ quan được yêu cầu tương trợ thực hiện theo các biện pháp cụ thể để đảm bảo việc giải quyết vụ án theo pháp luật Việt Nam. Các biện pháp này phải được miêu tả chi tiết để cơ quan được yêu cầu tương trợ thực hiện chính xác theo đúng yêu cầu của phía Việt Nam. Ví dụ:

- *Trường hợp không thể thực hiện được theo địa chỉ đã nêu trong văn bản yêu cầu thì đề nghị cơ quan được yêu cầu căn cứ theo pháp luật của nước mình tiến hành các biện pháp cần thiết để xác minh địa chỉ đúng.*
- *Trường hợp không tổng đạt được cho người có liên quan thì đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo công khai theo quy định của pháp luật nước được yêu cầu.*
- *Trường hợp cần bổ sung thông tin để thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp thì đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo cho cơ quan đã yêu cầu biết.*
- *Trường hợp cần lấy lời khai người nghi là nạn nhân bị mua bán mang quốc tịch Việt Nam thì đề nghị cơ quan được yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ nạn nhân và lưu ý đến các vấn đề liên quan đến tình trạng sức khỏe và tâm lý của họ.*

(20) Trong trường hợp kết quả tương trợ đòi hỏi phải chứng nhận, chứng thực thì nêu cách thức chứng thực, chứng nhận cần thực hiện. Trong trường hợp kết quả tương trợ cần có chữ ký, đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì nêu rõ trong yêu cầu.

(21) Các tài liệu, thông tin do phía được yêu cầu tương trợ cung cấp sẽ chỉ được sử dụng cho mục đích điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự nêu trong yêu cầu.

Kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ sẽ được đảm bảo giữ bí mật theo quy định của pháp luật Việt Nam và yêu cầu của phía được yêu cầu ủy thác (nếu có). Trong trường hợp kết quả tương trợ cần được sử dụng ngoài mục đích nêu trên thì phải có sự đồng ý của phía được yêu cầu tương trợ.

(22) Nêu thời hạn mong muốn nhận được kết quả thực hiện TTTP (ví dụ: Thời hạn nhận kết quả tương trợ tốt nhất là trước ngày ... tháng ... năm ...). Trường hợp là yêu cầu khẩn thì phải nêu rõ lý do (ví dụ: ngày mở phiên tòa...).

- Hồ sơ cần ghi rõ thời hạn mong muốn nhận được kết quả TTTP. Cần đề ra thời hạn hợp lý để phía nước ngoài có thể thực hiện được, tránh tình trạng sắp hết thời hạn điều tra vụ án hình sự mới lập yêu cầu gửi đi và đề nghị phía nước ngoài thực hiện và cung cấp kết quả trong thời hạn quá ngắn.
- Để phòng trường hợp việc chuyển hồ sơ bị kéo dài do những lý do khách quan, nên bổ sung thêm trong phần này nội dung: “Tuy nhiên, trường hợp không thực hiện được trong thời hạn nêu trên thì yêu cầu vẫn cần được thực hiện và có kết quả trong thời gian sớm nhất.”

(25) Liệt kê các văn bản gửi kèm theo Công văn yêu cầu tương trợ (gồm ... trang tiếng Việt và ... trang tiếng nước ngoài).

CHƯƠNG 3

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG
TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ
LIÊN QUAN ĐẾN
CÁC VỤ, VIỆC MUA BÁN NGƯỜI**



CHƯƠNG 3

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC VỤ, VIỆC MUA BÁN NGƯỜI

I. Thời hạn trong việc lập, giải quyết yêu cầu tương trợ

Thực tiễn cho thấy việc triển khai thực hiện các yêu cầu TTTPHS thường mất nhiều thời gian, trong khi việc giải quyết các vụ án hình sự phải tuân thủ thời hạn luật định.

Vì vậy, trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài về mua bán người, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần lưu ý các vấn đề sau:

- Quá trình giải quyết vụ án hình sự ngay từ giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, nếu thấy cần thiết phải thu thập chứng cứ, tài liệu từ nước ngoài, cần chủ động, kịp thời lập hồ sơ yêu cầu TTTPHS theo quy định của pháp luật gửi đến Vụ 13 – VKSND tối cao;
- Quy trình lập hồ sơ thực hiện theo quy định của Luật TTTP năm 2007; nếu cần hướng dẫn thì liên hệ với Vụ 13 – VKSND tối cao để tránh phải lập hồ sơ nhiều lần do bị thiếu sót;
- Tránh tình trạng lập hồ sơ sau một thời gian dài mới gửi cho Vụ 13 – VKSND tối cao. Nhiều trường hợp khi tiếp nhận hồ sơ thì đã quá thời hạn mong muốn nhận được kết quả. Trường hợp này, Vụ 13 – VKSND tối cao sẽ gửi trả lại cơ quan lập yêu cầu;
- Đối với việc tiếp nhận, giải quyết yêu cầu TTTPHS của nước ngoài cần thực hiện nhanh, tốt nhất là trong thời hạn do phía nước ngoài đề nghị. Theo nguyên tắc có đi có lại, việc thực hiện nhanh, đầy đủ các yêu cầu của nước ngoài cũng là điều kiện để phía nước ngoài thực hiện yêu cầu TTTPHS của ta khi có phát sinh.

II. Yêu cầu nước ngoài xác minh nhân thân, tiền án, tiền sự

Đối với hoạt động thu thập thông tin nhân thân, xác minh lý lịch của bị can là người nước ngoài, trong các vụ án cụ thể đã đề nghị phía nước ngoài thực hiện mà không có kết quả tương trợ, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể sử dụng các biện pháp khác đã được các cơ quan tư pháp Trung ương thống nhất để thu thập thông tin nhân thân, lý lịch của bị can, bị cáo, đó là:

- (i) Sử dụng giấy tờ tùy thân của bị can để xác định, bao gồm hộ chiếu, thẻ căn cước hay giấy tờ, tài liệu khác để xác định nhân thân bị can;
- (ii) Có văn bản đề nghị cơ quan Tổng lãnh sự, Đại sứ quán nước ngoài tại Việt Nam cung cấp, xác định tài liệu, thông tin về lý lịch của bị can là công dân nước đó (có thể đề nghị thông qua Sở Ngoại vụ ở địa phương mình);

- (iii) Trực tiếp liên hệ thông qua kênh hợp tác cảnh sát - cảnh sát, Văn phòng Interpol đề nghị cảnh sát nước có công dân đang là bị can ở Việt Nam để thu thập lý lịch của bị can;
- (iv) Trường hợp đã thực hiện các biện pháp trên nhưng không thu thập được thông tin, tài liệu về lý lịch của bị can, thì căn cứ vào lời khai của bị can để xác định nhân thân, lai lịch của bị can.

III. Yêu cầu nước ngoài lấy lời khai

Đối với việc thu thập lời khai liên quan đến vụ việc mua bán người cần thể hiện các nội dung sau: Câu hỏi cụ thể và những yêu cầu đối với nạn nhân bị mua bán bao gồm: Thời gian, thời điểm đi nước ngoài, đi cùng đối tượng nào, bằng hình thức, phương tiện nào, mục đích là gì, trước khi đi có được ai hứa hẹn hay thỏa thuận gì không? Đi nước ngoài làm những công việc gì? Hiện có giấy tờ tùy thân gì không? (ví dụ: hộ chiếu, giấy thông hành...).

IV. Quy định về nội dung và hình thức yêu cầu của một số quốc gia và vùng lãnh thổ

- Theo quy định của pháp luật một số quốc gia, vùng lãnh thổ như Xinh-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Hồng Kông (Trung Quốc) ... thì yêu cầu TTTP phải do CQTW về TTTPHS của nước yêu cầu lập. Do vậy, trong trường hợp này, cơ quan tiến hành tố tụng lập hồ sơ TTTP đề nghị nước ngoài thực hiện cần cung cấp đầy đủ thông tin để Vụ 13 – VKSND tối cao lập yêu cầu TTTP theo mẫu mà pháp luật nước được yêu cầu quy định.
- Đối với yêu cầu TTTP gửi đi Đài Loan: (1) trong văn bản yêu cầu tương trợ không có nội dung thể hiện là “Trung Quốc”, chỉ ghi là “Vùng lãnh thổ Đài Loan”; (2) mục “Quốc tịch” ghi là “Người Đài Loan” (không ghi chữ “Quốc tịch”); (3) hồ sơ kèm theo bản dịch sang tiếng Trung Quốc phồn thể.
- Đối với yêu cầu TTTP gửi đi Trung Quốc: (1) nêu rõ họ tên, địa chỉ bằng tiếng Trung Quốc và các thông tin nhân thân khác của bị can và đối tượng liên quan đến việc thực hiện nội dung tương trợ; (2) trích dẫn toàn bộ nội dung của điều luật quy định về tội danh và hình phạt có thể áp dụng trong vụ án; (3) cung cấp bản sao hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc các giấy tờ khác thể hiện thông tin nhân thân của cá nhân liên quan đến yêu cầu. Trong trường hợp không thu thập được những giấy tờ đó, cần nêu rõ trong văn bản yêu cầu tương trợ để tránh việc phía Trung Quốc gửi lại yêu cầu đề nghị bổ sung những tài liệu này (Tham khảo Phụ lục số 4). Hồ sơ kèm theo bản dịch sang tiếng Trung Quốc giản thể.

V. Tương trợ tư pháp về hình sự trực tiếp giữa các tỉnh có chung đường biên giới với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

Trong hoạt động TTTPHS giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng các tỉnh có đường biên giới giáp với các nước láng giềng, Việt Nam đã thiết lập cơ chế hợp tác đặc thù với Lào, các cơ quan tiến hành tố tụng các tỉnh có chung đường biên giới hai nước có thể liên hệ trực tiếp với nhau trong việc thực hiện các yêu cầu TTTPHS. Điều 4 Hiệp định TTTPHS giữa Việt Nam và Lào năm 2020 quy định: “Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh có chung đường biên giới của các Bên có thể liên hệ trực tiếp với nhau trong việc chuyển giao, tiếp nhận và thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, đồng thời phải báo cáo cho Cơ quan trung ương của nước mình”.

Đối với TTTPHS do VKSND các tỉnh biên giới của Việt Nam gửi đi Lào, Viện kiểm sát địa phương khi gửi yêu cầu TTTPHS trực tiếp tới VKSND các tỉnh biên giới của Lào thì đồng thời phải báo cáo VKSND tối cao để theo dõi, đôn đốc việc thực hiện.

Đối với TTTPHS do VKSND các tỉnh biên giới của Lào trực tiếp gửi đến, sau khi nhận được yêu cầu, Viện kiểm sát địa phương phải báo cáo ngay cho VKSND tối cao. Viện kiểm sát địa phương chủ động thực hiện tương trợ và gửi kết quả thực hiện phía Bạn, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện cho VKSND tối cao. Trong trường hợp không thực hiện được yêu cầu hoặc có vướng mắc trong quá trình thực hiện yêu cầu thì kịp thời thông báo cho phía Bạn, đồng thời báo cáo VKSND tối cao để phối hợp giải quyết.

Để yêu cầu TTTP được thực hiện kịp thời, hồ sơ TTTP và các tài liệu kèm theo nên có bản dịch tiếng Lào.

VI. Vấn đề hợp pháp hóa lãnh sự

Hoạt động TTTPHS dựa trên sự hợp tác chính thức giữa các quốc gia nhằm đấu tranh, phòng ngừa tội phạm hình sự, bảo vệ lợi ích Nhà nước, các quyền và lợi ích cơ bản của công dân. Thông thường, khi TTTPHS được thực hiện qua các CQTW của quốc gia thì các văn bản, tài liệu kèm theo đã được cung cấp theo đúng quy định tố tụng hình sự mỗi bên, do đó không cần phải hợp pháp hóa bằng bất kỳ hình thức nào.

Thực tiễn hoạt động TTTPHS và các Hiệp định TTTPHS giữa Việt Nam và nước ngoài đều không đặt ra vấn đề hợp pháp hóa lãnh sự hoặc xác định miễn hợp pháp hóa lãnh sự đối với tài liệu TTTPHS. Ví dụ: Hiệp định với Liên bang Nga năm 1998, CHND Trung Hoa năm 1998, An-giê-ri năm 2010, Mô-đam-bích năm 2018...

VII. Thông báo và tiếp xúc lãnh sự

Việc thông báo và tiếp xúc lãnh sự cần được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự và Chỉ thị số 21/2000/CT-TTg ngày 16/10/2000 của Thủ tướng Chính phủ về Thông báo và tiếp xúc lãnh sự đối với công dân nước ngoài và người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài bị bắt, tạm giữ, tạm

giam hoặc đang thi hành án phạt tù tại Việt Nam. Theo đó, khi công dân nước ngoài, người Việt Nam mang hộ chiếu nước ngoài bị bắt, tạm giữ, tạm giam trong quá trình điều tra liên quan đến vụ án hình sự, cơ quan điều tra cần thông báo ngay cho Bộ Ngoại giao và phối hợp với Bộ Ngoại giao thu xếp cho đại diện của cơ quan đại diện nước ngoài khi có yêu cầu được tiếp xúc lãnh sự. Việc tiếp xúc lãnh sự thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự số 41/2019/QH14 ban hành ngày 14/6/2019, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 ban hành ngày 25/11/2015, Nghị định số 120/2017/NĐ-CP ngày 06/11/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13.

VKSND khi thực hiện công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam trong các vụ án có yếu tố nước ngoài cần yêu cầu cơ quan điều tra thực hiện đầy đủ việc thông báo và thu xếp tiếp xúc lãnh sự khi có yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật.

VIII. Giá trị pháp lý của tài liệu thu thập được qua kênh tương trợ tư pháp

Theo quy định tại Điều 494 Bộ luật tố tụng hình sự, tài liệu, đồ vật do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thu thập theo yêu cầu TTTP của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc tài liệu, đồ vật do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài gửi đến Việt Nam để yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự có thể được coi là chứng cứ, vật chứng.

Kết quả thực hiện TTTP và hợp tác quốc tế khác do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cung cấp có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với chứng cứ khác của vụ án (Điều 103 Bộ luật tố tụng hình sự).

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ CỦA CÁC QUỐC GIA CÓ CHUNG ĐƯỜNG BIÊN GIỚI VỚI VIỆT NAM VỀ TỘI MUA BÁN NGƯỜI

1. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Tội mua bán người được quy định tại Luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa sửa đổi, bổ sung, có hiệu lực từ ngày 01/3/2021 như sau:

Điều 240 [Tội mua bán phụ nữ và trẻ em] Người nào mua bán phụ nữ hoặc trẻ em, thì bị phạt tù có thời hạn từ 5 năm đến 10 năm và bị phạt tiền; thuộc một trong các tội trường hợp sau đây thì bị phạt tù có thời hạn không dưới 10 năm hoặc tù chung thân, bị phạt tiền hoặc tịch thu tài sản, trường hợp đặc biệt nghiêm trọng bị phạt tử hình, tịch thu tài sản:

- (1) Cầm đầu tổ chức mua bán phụ nữ và trẻ em;
- (2) Mua bán phụ nữ và trẻ em từ 3 người trở lên;
- (3) cưỡng dâm phụ nữ bị mua bán;
- (4) Dụ dỗ, ép buộc phụ nữ bị mua bán bán dâm hoặc bán phụ nữ bị mua bán cho người khác để ép buộc họ làm nghề mại dâm;
- (5) Bắt cóc phụ nữ hoặc trẻ em bằng bạo lực, ép buộc hoặc gây mê nhằm mục đích để bán;
- (6) Trộm trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ để bán;
- (7) Gây thương tích nghiêm trọng, chết người hoặc các hậu quả nghiêm trọng khác đối với phụ nữ, trẻ em bị mua bán hoặc người thân của họ;
- (8) Bán phụ nữ và trẻ em ra nước ngoài.

Mua bán phụ nữ và trẻ em là chỉ hành vi lừa gạt, bắt cóc, mua, bán, đưa đón, trung chuyển phụ nữ, trẻ em nhằm mục đích để bán.

Điều 241 [Tội mua phụ nữ và trẻ em] Người nào mua phụ nữ hoặc trẻ em sẽ bị phạt tù có thời hạn không quá ba năm, cải tạo không giam giữ hoặc bị quản chế.

[Tội hiếp dâm] Người nào mua phụ nữ bị buôn bán và cưỡng bức quan hệ tình dục sẽ bị xử phạt theo quy định tại Điều 236 của Luật này.

[Tội giam giữ bất hợp pháp] [Tội cố ý gây thương tích] [Tội làm nhục người khác] Người nào mua phụ nữ hoặc trẻ em bị buôn bán, tước đoạt hoặc hạn chế bất hợp pháp quyền tự do cá nhân của họ, gây thương tích hoặc xúc phạm họ, sẽ bị trừng phạt theo quy định có liên quan của Luật này.

Người nào mua phụ nữ hoặc trẻ em bị buôn bán và thực hiện các hành vi phạm tội quy định tại khoản hai và ba sẽ bị trừng phạt theo quy định về tổng hợp hình phạt.

[Tội mua bán phụ nữ và trẻ em] *Người nào mua phụ nữ, trẻ em rồi lại đem bán thì bị kết án và xử phạt theo quy định tại Điều 240 của Luật này.*

Mua phụ nữ hoặc trẻ em bị buôn bán, nếu không có hành vi ngược đãi và không cản trở việc giải cứu thì có thể giảm nhẹ hình phạt; chấp nhận mong muốn của phụ nữ bị buôn bán, không cản trở họ quay về quê hương, có thể giảm nhẹ hình phạt.

2. Vương quốc Cam-pu-chia

Tội mua bán người được quy định tại Luật về phòng, chống mua bán người và bóc lột tình dục số NS/KRM/0208/005, ban hành ngày 15/02/2008 như sau:

Điều 12: Tuyển dụng bất hợp pháp để bóc lột

Hành vi tuyển dụng bất hợp pháp trong luật này có nghĩa là xúi giục, thuê hoặc tuyển dụng một người tham gia vào bất kỳ hình thức bóc lột nào với việc sử dụng lừa dối, lạm dụng quyền lực, giam giữ, vũ lực, đe dọa hoặc bất kỳ biện pháp cưỡng chế nào.

Người nào tuyển dụng bất hợp pháp người khác sẽ bị phạt tù từ 7 đến 15 năm.

Người nào thực hiện hành vi quy định tại điều này sẽ bị phạt tù từ 15 tới 20 năm trong trường hợp:

- Nạn nhân là người chưa thành niên
- Hành vi phạm tội được thực hiện bởi công chức lạm dụng quyền lực của mình đối với nạn nhân
- Tội phạm được thực hiện bởi một nhóm có tổ chức

Điều 13: Định nghĩa về hành vi bán, mua hoặc trao đổi người

Hành động bán, mua hoặc trao đổi một người có nghĩa là chuyển giao đầy đủ quyền kiểm soát đối với một người cho người khác một cách bất hợp pháp, hoặc tiếp nhận một cách bất hợp pháp quyền kiểm soát đối với một người từ người khác, để đổi lấy bất kỳ thứ gì có giá trị bao gồm bất kỳ dịch vụ và con người nào.

Hành vi môi giới mua bán, trao đổi người với tư cách trung gian bị xử phạt như hành vi bán, mua, hoặc trao đổi người.

Điều 14: Hành vi bán, mua hoặc trao đổi người

Người nào bán, mua hoặc trao đổi người khác thì bị phạt tù từ 2 đến 5 năm.

Điều 15: Hành động bán, mua hoặc trao đổi một người có mục đích

Người nào bán, mua, trao đổi người khác nhằm mục đích trục lợi, xâm hại tình dục, sản xuất tài liệu khiêu dâm, kết hôn trái ý muốn của nạn nhân, nhận con nuôi hoặc bất kỳ hình thức bóc lột nào thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm.

Người nào thực hiện hành vi quy định tại điều này sẽ bị phạt tù từ 15 đến 20 năm trong trường hợp:

- Nạn nhân là người chưa thành niên
- Hành vi phạm tội được thực hiện bởi công chức lạm dụng quyền lực của mình đối với nạn nhân
- Tội phạm được thực hiện bởi một nhóm có tổ chức

Điều 16: Hành động bán, mua hoặc trao đổi một người để chuyển giao qua biên giới

Người nào bán, mua, đổi người khác nhằm mục đích vận chuyển hoặc đưa người đó ra ngoài Vương quốc Cam-pu-chia, thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm.

Người nào bán, mua hoặc trao đổi người khác tại một quốc gia ngoài Vương quốc Cam-pu-chia, với mục đích vận chuyển hoặc chuyển giao người đó sang một quốc gia khác sẽ bị phạt tương tự như tại Khoản 1.

Người nào thực hiện hành vi quy định tại điều này sẽ bị phạt tù từ 15 đến 20 năm trong trường hợp:

- Nạn nhân là người chưa thành niên
- Hành vi phạm tội được thực hiện bởi công chức lạm dụng quyền lực đối với nạn nhân
- Tội phạm được thực hiện bởi một nhóm có tổ chức

Điều 17: Vận chuyển có mục đích

Người nào vận chuyển người khác mà biết người đó đã bị di chuyển, tuyển mộ, bán, mua, trao đổi hoặc vận chuyển bất hợp pháp nhằm mục đích kiếm lời, xâm hại tình dục, sản xuất nội dung khiêu dâm, kết hôn trái ý muốn của nạn nhân, nhận con nuôi, hoặc bất kỳ hình thức bóc lột nào thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm.

Người nào thực hiện hành vi quy định tại điều này sẽ bị phạt tù từ 15 đến 20 năm trong trường hợp:

- Hành vi phạm tội được thực hiện bởi công chức lạm dụng quyền lực đối với nạn nhân
- Tội phạm được thực hiện bởi một nhóm có tổ chức

Điều 18: Vận chuyển qua biên giới (Hành vi đưa người qua biên giới)

Người nào vận chuyển (đưa) người khác ra ngoài Vương quốc Cam-pu-chia mà biết người đó đã bị di chuyển, tuyển mộ, mua bán, trao đổi hoặc vận chuyển bất hợp pháp, thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm.

Người nào vận chuyển/đưa người khác tại một quốc gia ngoài Vương quốc Cam-pu-chia sang một quốc gia khác mà biết người đó đã bị di chuyển, tuyển mộ, mua bán, trao đổi hoặc vận chuyển bất hợp pháp, thì bị phạt tương tự như tại Khoản 1.

Người nào thực hiện hành vi quy định tại điều này sẽ bị phạt tù từ 15 đến 20 năm trong trường hợp:

- Hành vi phạm tội được thực hiện bởi công chức lạm dụng quyền lực đối với nạn nhân
- Tội phạm được thực hiện bởi một nhóm có tổ chức

Điều 19: Tiếp nhận một người có mục đích

Người nào tiếp nhận, chứa chấp hoặc che giấu người khác mà đã bị di chuyển, tuyển mộ, bán, mua, trao đổi hoặc vận chuyển bất hợp pháp nhằm mục đích kiếm lời, xâm hại tình dục, sản xuất nội dung khiêu dâm, kết hôn trái với ý muốn của nạn nhân, nhận con nuôi, hoặc bất kỳ hình thức bóc lột nào, thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm.

Người nào thực hiện hành vi quy định tại điều này sẽ bị phạt tù từ 15 đến 20 năm trong trường hợp:

- Nạn nhân là người chưa thành niên
- Hành vi phạm tội được thực hiện bởi công chức lạm dụng quyền lực đối với nạn nhân
- Tội phạm được thực hiện bởi một nhóm có tổ chức

Điều 20: Tiếp nhận người nhằm mục đích hỗ trợ đối tượng phạm tội

Người nào tiếp nhận, chứa chấp hoặc che giấu nạn nhân mà đã bị di chuyển, tuyển mộ, bán, mua, trao đổi hoặc vận chuyển bất hợp pháp nhằm mục đích hỗ trợ đối tượng phạm tội di chuyển, tuyển mộ, bán, mua, trao đổi hoặc vận chuyển nạn nhân đó, thì bị phạt tù từ 2 đến 5 năm và phạt tiền từ 4.000.000 đến 10.000.000 riel.

Người nào thực hiện hành vi quy định tại điều này sẽ bị phạt tù từ 5 đến 10 năm trong trường hợp nạn nhân là người chưa thành niên.

3. Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

Tội mua bán người được quy định tại Luật về Phòng, chống mua bán người số 73/NA ngày 17/12/2015, được ban hành bởi Chủ tịch nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào theo Nghị định số 019/P ngày 28/01/2016 như sau:

Điều 2:

Mua bán người có nghĩa là tuyển dụng, bắt cóc, di chuyển, vận chuyển hoặc chuyển giao, chứa chấp hoặc tiếp nhận người, bằng các biện pháp thuyết phục, giới thiệu, lừa dối, thanh toán hoặc đem lại lợi ích, xúi giục, kích động hoặc lạm dụng quyền lực, sử dụng đe dọa hoặc các hình thức khác như cưỡng bức, gán nợ, che giấu con nuôi, giấu giếm đính hôn, giấu giếm kết hôn, mang thai hộ, cưỡng bức móc túi, sản xuất, trình chiếu và xuất bản tài liệu khiêu dâm hoặc bằng các hình thức khác để bóc lột sức lao động, bóc lột tình dục, nô lệ, mại dâm, mại dâm không tự nguyện, loại bỏ nội tạng nhằm mục đích buôn bán và các hình thức thực hiện trái pháp luật trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc hoặc nhằm mục đích vụ lợi khác.

Điều 9:

Mua bán người bao gồm các yếu tố sau:

- 1. Hành vi;*
- 2. Thủ đoạn; và*
- 3. Mục đích*

Đối với nạn nhân là trẻ em, chỉ cần yếu tố hành vi và mục đích bóc lột là đủ để cấu thành tội mua bán người, bất kể có sự đồng thuận hay tình nguyện của nạn nhân.

Điều 89:

Người nào phạm tội mua bán người sẽ bị phạt tù từ 5 đến 15 năm và bị phạt tiền từ 10.000.000 Kip tới 100.000.000 Kip, và sẽ bị tịch thu tài sản theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Trong trường hợp phạm tội nhiều lần, phạm tội có tổ chức hoặc thực hiện bởi nhiều người, nạn nhân là trẻ em, có nhiều hơn hai nạn nhân, nạn nhân là người thân thích của đối tượng, nạn nhân bị thương tật trên cơ thể, hoặc nạn nhân bị tàn tật hoặc rối loạn tâm thần, người phạm tội mua bán người sẽ bị phạt tù từ 15 đến 20 năm và phạt tiền từ 100.000.000 Kip tới 500.000.000 Kip và sẽ bị tịch thu tài sản theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Trong trường hợp nạn nhân bị tàn tật suốt đời, bị lây truyền HIV do bị mua bán, người phạm tội mua bán người sẽ bị phạt tù chung thân và bị phạt tiền từ 500.000.000 Kip tới 1.000.000.000 Kip và tịch thu tài sản theo quy định của Bộ luật Hình sự, hoặc bị tử hình.

PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG CỦA MỘT SỐ NƯỚC PHÁT SINH NHIỀU YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP HÌNH SỰ VỀ MUA BÁN NGƯỜI VÀ NGÔN NGỮ CẦN DỊCH TRONG HỒ SƠ YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP

STT	Tên nước	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ thực tiễn sử dụng
1	CHND Trung Hoa	VKSND tối cao	Tiếng Trung (giản thể)	Tiếng Trung (giản thể)
2	Cộng hòa liên bang Ma-lai-xi-a	Cơ quan Tổng Chương lý	Tiếng Anh	Tiếng Anh
3	CHDCND Lào	VKSND tối cao	Tiếng Lào, Tiếng Anh	Tiếng Lào
4	Vương quốc Cam-pu-chia	Bộ Tư pháp	Tiếng Kh-me	Tiếng Kh-me
5	Cộng hòa liên bang Mi-an-ma	Bộ Nội vụ	Tiếng Anh	Tiếng Anh
6	Vương quốc Thái Lan	Cơ quan Tổng Chương lý	Tiếng Thái, Tiếng Anh	Tiếng Thái
7	Vương quốc Anh	Bộ Nội vụ	Tiếng Anh	Tiếng Anh
8	Ô-xtrây-li-a	Cơ quan Tổng Chương lý	Tiếng Anh	Tiếng Anh
9	Liên bang Nga	Tổng Viện kiểm sát	Tiếng Nga, Tiếng Anh	Tiếng Nga
10	Hung-ga-ri	Viện kiểm sát tối cao	Tiếng Hung-ga-ri, Tiếng Anh	Tiếng Anh
11	Cộng hòa Phần Lan	Bộ Tư pháp	Tiếng Phần Lan, Tiếng Anh	Tiếng Anh

STT	Tên nước	Cơ quan trung ương	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ thực tiễn sử dụng
12	Cộng hòa Ai Len	Bộ Tư pháp và Bình đẳng	Tiếng Anh	Tiếng Anh
13	Cộng hòa Ba Lan	Viện kiểm sát quốc gia	Tiếng Ba Lan, Tiếng Anh	Tiếng Ba Lan
14	Cộng hòa Séc	Viện kiểm sát tối cao	Tiếng Séc, Tiếng Anh	Tiếng Séc
15	Cộng hòa Bê-la-rút	Tổng Viện kiểm sát	Tiếng Bê-la-rút, Tiếng Nga	Tiếng Bê-la-rút, Tiếng Nga
16	Pháp	Bộ Tư pháp	Tiếng Anh, Tiếng Pháp	Tiếng Pháp
17	CHLB Đức	Bộ Tư pháp	Tiếng Anh, Tiếng Đức	Tiếng Đức
18	In-đô-nê-xi-a	Bộ Pháp luật và Nhân quyền	Tiếng Anh	Tiếng Anh
19	Xinh-ga-po	Cơ quan Tổng chưởng lý	Tiếng Anh	Tiếng Anh
20	Các tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE)	Bộ Tư pháp	Tiếng Ả-rập, Tiếng Anh	Tiếng Ả-rập
21	Nhật Bản	Bộ Tư pháp	Tiếng Nhật, Tiếng Anh	Tiếng Nhật
22	Hàn Quốc	Bộ Tư pháp	Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Anh	Tiếng Hàn
23	Lãnh thổ Đài Loan	Cơ quan tư pháp	Tiếng Trung (phồn thể)	Tiếng Trung (phồn thể)

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ GIỮA VIỆT NAM VÀ NƯỚC NGOÀI ĐANG CÓ HIỆU LỰC

STT	TÊN HIỆP ĐỊNH
1	Hiệp định ASEAN về tương trợ tư pháp về hình sự năm 2004
2	Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc năm 1982 (hiện Cộng hòa Séc và Cộng hòa Xlô-va-ki-a kế thừa)
3	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Bun-ga-ri năm 1986
4	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Ba Lan năm 1993
5	Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên bang Nga năm 1998
6	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1998
7	Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Bê-la-rút năm 2000
8	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Mông Cổ năm 2000
9	Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và U-crai-na năm 2000
10	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên năm 2002
11	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc năm 2003
12	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Ấn Độ năm 2007

STT	TÊN HIỆP ĐỊNH
13	Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai Len về tương trợ tư pháp về hình sự năm 2009
14	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ và nhân dân An-giê-ri năm 2010
15	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa In-đô-nê-xi-a năm 2013
16	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ô-xtr-rây-li-a năm 2014
17	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Tây Ban Nha năm 2015
18	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hung-ga-ri năm 2016
19	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Pháp năm 2016
20	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia năm 2016
21	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Ca-dắc-xtan năm 2017
22	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Cu Ba năm 2018
23	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Mô-dăm-bích năm 2018
24	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào năm 2020
25	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản năm 2021

PHỤ LỤC 4: HƯỚNG DẪN LẬP YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ GỬI VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO TRUNG QUỐC

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38 /HD-VKSTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2019

HƯỚNG DẪN

Lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao Trung Quốc

- Kính gửi: - Vụ 1, 2, 3, 4, 5, 6, Cục 1 Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Quân sự trung ương;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao I, II, III;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Trung Quốc được thực hiện trên cơ sở Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự năm 1998 giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 của Việt Nam. Thực tiễn hoạt động tương trợ tư pháp giữa hai nước thời gian qua cho thấy, nhiều yêu cầu tương trợ của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng Việt Nam gửi đi Trung Quốc bị Viện kiểm sát nhân dân tối cao Trung Quốc từ chối thực hiện hoặc đề nghị bổ sung thông tin để thực hiện, làm kéo dài thời gian thực hiện tương trợ, ảnh hưởng tới tiến độ và thời hạn điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài của Việt Nam. Trên cơ sở kết quả Hội nghị Viện kiểm sát các tỉnh có chung đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc lần thứ 2 tổ chức trong thời gian 27 đến 29/11/2019 tại Quảng Ninh, Việt Nam, để việc thực hiện tương trợ được tiến hành nhanh chóng, thuận lợi, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn việc lập Yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi Trung Quốc như sau:

Yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi Trung Quốc tiếp tục thực hiện theo quy định tại Điều 18, 19 Luật tương trợ tư pháp năm 2007, Mẫu số 01 và 02 do Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành (có mẫu gửi kèm theo), trong đó cần lưu ý một số điểm sau:

1. *Mục đích ủy thác tư pháp*: nêu cụ thể, chi tiết mục đích ủy thác theo từng nội dung yêu cầu phía Trung Quốc thực hiện để các cơ quan có thẩm quyền thực hiện tương trợ phía Trung Quốc đánh giá đầy đủ tính cần thiết của việc thực hiện tương trợ cho phía

Việt Nam. Ví dụ: yêu cầu phía Trung Quốc hỗ trợ xác minh lý lịch tư pháp, tiền án tiền sự của công dân Trung Quốc nhằm mục đích gì hay dùng để làm gì.

2. *Nội dung vụ án và các tình tiết liên quan*: nêu cụ thể, chi tiết nội dung của vụ án, đặc biệt là hành vi và quá trình phạm tội; vai trò của từng đồng phạm tham gia vào việc thực hiện hành vi phạm tội (nếu có); nêu rõ ràng họ tên, địa chỉ bằng tiếng Trung Quốc và các thông tin nhân thân khác của bị can và đối tượng liên quan đến việc thực hiện nội dung tương trợ; tiến trình tố tụng và giai đoạn tố tụng của vụ án mà phía Việt Nam đang giải quyết, tư cách tố tụng của các cá nhân được yêu cầu lấy lời khai, bị can có đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn nào không; đối với yêu cầu tương trợ có liên quan đến việc xác minh tài khoản ngân hàng, cần cung cấp đầy đủ thông tin về tài khoản ngân hàng cần xác minh.

3. *Trích dẫn điều luật có thể áp dụng*: trích dẫn đầy đủ toàn bộ nội dung của điều luật quy định về tội danh và hình phạt có thể áp dụng trong vụ án hình sự mà phía Việt Nam đang giải quyết.

4. *Nội dung yêu cầu*: nêu rõ ràng từng nội dung yêu cầu phía Trung Quốc thực hiện, tránh tình trạng nêu nội dung yêu cầu quá nhiều, phạm vi dàn trải nhưng không cung cấp đủ thông tin chi tiết để phía Trung Quốc thực hiện yêu cầu tương trợ cho phía Việt Nam.

5. *Tài liệu kèm theo yêu cầu*: cung cấp bản sao Hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc các giấy tờ khác thể hiện thông tin nhân thân của cá nhân liên quan đến yêu cầu. Trong trường hợp không thu thập được những giấy tờ đó, cần nêu rõ trong văn bản Yêu cầu tương trợ để tránh việc phía Trung Quốc yêu cầu bổ sung những tài liệu này. Ví dụ: Cơ quan điều tra của Việt Nam không thu thập được Hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc các giấy tờ khác của đối tượng liên quan đến yêu cầu.

6. *Ngôn ngữ*: yêu cầu tương trợ tư pháp gửi Trung Quốc và các tài liệu đính kèm là văn bản do Cơ quan, tổ chức Việt Nam ban hành bằng tiếng Việt cần được dịch sang tiếng Trung Quốc (phổ thông, giản thể) có công chứng, bảo đảm chất lượng dịch thuật để các cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc có thể hiểu được nội dung yêu cầu của phía Việt Nam và tổ chức thực hiện.

7. *Thời hạn mong muốn thực hiện yêu cầu*: đề nghị các Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong nước lập yêu cầu tương trợ sớm và đề ra thời hạn hợp lý để phía Trung Quốc có thể thực hiện được; Tránh tình trạng sắp hết thời hạn điều tra vụ án hình sự mới lập yêu cầu tương trợ tư pháp gửi đi và đề nghị phía Trung Quốc thực hiện và cung cấp kết quả trong thời hạn quá ngắn.

Trên đây là hướng dẫn việc lập Yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi Trung Quốc, đề nghị các đơn vị thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện kiểm sát các cấp phối hợp với Cơ quan điều tra cùng cấp tổ

chức thực hiện thống nhất nhằm nâng cao chất lượng công tác tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các Viện kiểm sát địa phương phản ánh về Viện kiểm sát nhân dân tối cao (thông qua Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Viện trưởng (để b/c);
- Các đồng chí PVT VKSTC;
- CO1 - BCA (để phối hợp);
- Văn phòng VKSTC (Tổng hợp);
- V14 VKSTC (để biết);
- Lưu: VT, V13 (P.TTTP).

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

(Đã ký)

Trần Công Phàn

